

triển khai tốt nội dung hoạt động của công tác y tế trường học.

3. Cơ quan bảo hiểm y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng đề án bảo hiểm y tế học sinh báo cáo với Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo xem xét và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt và tổ chức thực hiện ở địa phương khi đề án được phê duyệt.

4. Các Sở Y tế chỉ đạo các bệnh viện thuộc Sở phục vụ tốt người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế học sinh khi đến khám chữa bệnh ngoại trú và nội trú.

5. Nhà trường chịu trách nhiệm theo dõi, thanh quyết toán phần kinh phí bảo hiểm y tế học sinh để lại nhà trường, báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp phê duyệt.

6. Cơ quan giáo dục - đào tạo, y tế và cơ quan bảo hiểm y tế cùng cấp phối hợp tổ chức các hội nghị liên ngành để tổ chức triển khai thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, đánh giá tổng kết và đề ra các biện pháp đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế học sinh cho từng giai đoạn.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 14/TTLB ngày 19/09/1994 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Y tế, những quy định trước đây trái với quy định trong Thông tư này đều bãi bỏ. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương, đơn vị kịp thời phản ánh về liên Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Y tế để nghiên cứu và giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Y tế
Thứ trưởng

LÊ NGỌC TRỌNG

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thứ trưởng

LÊ VŨ HÙNG

**BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ -
BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TƯ PHÁP**

**THÔNG TƯ liên tịch số 04/1998/
TTLT-TCCP-TC-TP ngày 23/07/1998
hướng dẫn thực hiện Quyết định
số 57/1998/QĐ-TTg ngày 05/03/1998
của Thủ tướng Chính phủ bổ sung
Quyết định số 160/TTg ngày 15/03/1996
của Thủ tướng Chính phủ về chế
độ bồi dưỡng đối với giám định
viên tư pháp.**

Thi hành Quyết định số 57/1998/QĐ-TTg ngày 05/03/1998 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung Quyết định số 160/TTg ngày 15/03/1996 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với giám định viên tư pháp, liên tịch Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện như sau:

I- ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC BỒI DƯỠNG

1- Những người trực tiếp giúp việc giám định viên tư pháp là kỹ thuật viên giải phẫu tử thi, xét nghiệm viên, người được giám định viên yêu cầu trong thời gian thực hiện giám định tư pháp đối với các trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng 70% mức bồi dưỡng của giám định viên.

Mức bồi dưỡng được hưởng cụ thể như sau:

a) Giám định không mổ tử thi:

- Mức 21.000 đồng/1vụ/người trực tiếp giúp việc giám định viên; áp dụng đối với việc giám định người chết trong vòng 48 giờ.

- Mức 28.000 đồng/1vụ/người trực tiếp giúp việc giám định viên; áp dụng đối với việc giám định người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày, hoặc trong 48 giờ mà phải khai quật.

- Mức 35.000 đồng/1vụ/người trực tiếp giúp việc giám định viên; áp dụng đối với việc giám định người chết để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày mà phải khai quật.

- Mức 42.000 đồng/1vụ/người trực tiếp giúp việc giám định viên; áp dụng đối với việc giám định người chết để quá 7 ngày mà phải khai quật.

b) Giám định có mổ tử thi:

- Mức 56.000 đồng/1vụ/người trực tiếp giúp việc giám định viên; áp dụng đối với việc giám định người chết trong vòng 48 giờ.

- Mức 70.000 đồng/1vụ/người trực tiếp giúp việc giám định viên; áp dụng đối với việc giám định người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày, hoặc trong vòng 48 giờ mà phải khai quật.

- Mức 84.000 đồng/1vụ/người trực tiếp giúp việc giám định viên; áp dụng đối với việc giám định người chết để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày mà phải khai quật.

- Mức 105.000 đồng/1vụ/người người trực tiếp giúp việc giám định viên; áp dụng đối với việc giám định người chết để quá 7 ngày mà phải khai quật.

2- Những người được cơ quan tiến hành tố tụng giao trách nhiệm có mặt trong thời gian thực hiện giám định khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi là điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, đại diện cơ quan tư pháp và đại diện cơ quan Nhà nước có liên quan được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng 50% mức bồi dưỡng của giám định viên.

Mức bồi dưỡng được hưởng cụ thể như sau:

a) Giám định không mổ tử thi:

- Mức 15.000 đồng/1vụ/người được giao trách nhiệm có mặt trong thời gian giám định; áp dụng đối với việc giám định người chết trong vòng 48 giờ.

- Mức 20.000 đồng/1vụ/người được giao trách nhiệm có mặt trong thời gian giám định; áp dụng

đối với việc giám định người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày, hoặc trong 48 giờ mà phải khai quật.

- Mức 25.000 đồng/1vụ/người được giao trách nhiệm có mặt trong thời gian giám định; áp dụng đối với việc giám định người chết để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày mà phải khai quật.

- Mức 30.000 đồng/1vụ/người được giao trách nhiệm có mặt trong thời gian giám định; áp dụng đối với việc giám định người chết để quá 7 ngày mà phải khai quật.

b) Giám định có mổ tử thi:

- Mức 40.000 đồng/1vụ/người được giao trách nhiệm có mặt trong thời gian giám định; áp dụng đối với việc giám định người chết trong vòng 48 giờ.

- Mức 50.000 đồng/1vụ/người được giao trách nhiệm có mặt trong thời gian giám định; áp dụng đối với việc giám định người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày, hoặc còn trong 48 giờ mà phải khai quật.

- Mức 60.000 đồng/1vụ/người được giao trách nhiệm có mặt trong thời gian giám định; áp dụng đối với việc giám định người chết để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày mà phải khai quật.

- Mức 75.000 đồng/1vụ/người được giao trách nhiệm có mặt trong thời gian giám định; áp dụng đối với việc giám định người chết để quá 7 ngày mà phải khai quật.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Nguồn kinh phí chi trả chế độ bồi dưỡng do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch mà cơ quan tiến hành tố tụng lập dự toán hàng năm.

Riêng năm 1998 kinh phí chi trả chế độ bồi dưỡng này cân đối trong dự toán ngân sách năm 1998 đã được Chính phủ duyệt và thông báo cho đơn vị.

2- Việc chi trả chế độ bồi dưỡng cho các đối tượng nêu ở Phần I của Thông tư này do cơ quan

trưng cầu giám định tư pháp thanh toán sau khi công việc giám định hoàn thành và quyết toán theo chế độ hiện hành.

3- Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 1998. Những quy định về chế độ bồi dưỡng đối với những người trực tiếp giúp giám định viên tư pháp và những người được cơ quan tố tụng giao trách nhiệm có mặt trong thời gian giám định tư pháp trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị báo cáo về liên Bộ để nghiên cứu, giải quyết.

KT. Bộ trưởng Bộ Tư pháp
Thủ trưởng

NGUYỄN NGỌC HIẾN

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

KT. Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức
Cán bộ Chính phủ
Phó Trưởng ban

TÔ TỬ HẠ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 77/1998/TT-BTC ngày 06/06/1998 hướng dẫn tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam sử dụng trong hạch toán kế toán ở doanh nghiệp.

Để phản ánh đúng giá vốn của vật tư, hàng hóa, chi phí, doanh thu, thu nhập và kết quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, Bộ Tài

chính hướng dẫn tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra "Đồng" Việt Nam sử dụng trong hạch toán kế toán ở doanh nghiệp như sau:

1. Tỷ giá dùng để quy đổi ngoại tệ ra "Đồng" Việt Nam.

Các doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra "Đồng" Việt Nam theo tỷ giá mua vào, bán ra thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá mua vào, bán ra thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Trường hợp nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ phát sinh vào thời điểm thị trường ngoại tệ liên ngân hàng không hoạt động, doanh nghiệp được sử dụng tỷ giá bình quân của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng ngày hôm trước.

1.1. Tỷ giá mua, bán thực tế bình quân liên ngân hàng được dùng để quy đổi tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ (trừ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi ở Điểm 1.2 của Thông tư này) ra "Đồng" Việt Nam để phản ánh vào sổ kế toán và báo cáo tài chính, bao gồm các trường hợp sau đây:

- Mua vật tư, hàng hóa, tài sản cố định bằng ngoại tệ;

- Nhận và trả vốn góp liên doanh, nhận tiền viện trợ bằng ngoại tệ;

- Các khoản đầu tư tài chính bằng ngoại tệ như: góp vốn liên doanh, đầu tư chứng khoán... bằng ngoại tệ;

- Các khoản chi phí, doanh thu bán hàng, thu nhập hoạt động tài chính, các khoản thu nhập bất thường bằng ngoại tệ;

- Các nghiệp vụ thu, chi vốn bằng tiền ngoại tệ;

- Các khoản phải thu, phải trả... bằng ngoại tệ;

- Đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả.